

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VĨNH CỬU
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2023/DS-ST
Ngày: 30 tháng 5 năm 2023
“*V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Bá Diễn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Bình và bà Nguyễn Ngọc Cúc.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Quyết Tâm – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh Tuất– Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 208/2022/TLST-DS ngày 21 tháng 12 năm 2022 về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2023/QĐXXST-DS ngày 17 tháng 4 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 366/2023/QĐST-DS ngày 12 tháng 5 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP P (Viết tắt O);

Địa chỉ: 41 & 45 đường L, phường B, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1984- Chức vụ chuyên viên thu hồi nợ của OCB; Địa chỉ liên hệ: 40A-40B, U, phường 4, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Phi H, sinh năm 1988

Địa chỉ: Tổ 8, ấp 5, xã V, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

(Ông B có mặt; ông H vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng, đại diện nguyên đơn trình bày:***

Ông Nguyễn Phi H và Ngân hàng TMCP P (O) ký kết Hợp đồng tín dụng số TDCN21007098/2022/CQ4/HĐTD ngày 11/01/2022 với số tiền vay là 954.000.000 đồng, mục đích vay là để ông Nguyễn Phi H thanh toán tiền mua xe ô tô Vinfast Lux A, cao cấp mới 100%, theo hợp đồng mua bán xe số 1021/HĐMB-VFPMH21 giữa Công ty cổ phần đầu tư thương mại dịch vụ ô tô Nam Sài Gòn và ông Nguyễn Phi H lập ngày 28/12/2021; Thời hạn vay: 96 tháng; Lãi suất vay: 9,2%/năm, cố định trong 12 tháng đầu. Từ tháng thứ 13 trở đi, lãi suất cho vay điều chỉnh định kỳ 06 tháng/lần. Biên độ lãi suất: tối thiểu 3,9%/năm; Lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất vay trong hạn; Nếu chậm trả lãi thì phải chịu tiền phạt là 10% năm trên số tiền lãi chậm trả.

Sau khi ký kết Hợp đồng tín dụng, O đã giải ngân số tiền vay nêu trên. Việc giải ngân được OCB thực hiện căn cứ theo chỉ định của ông Nguyễn Phi H tại Khế ước nhận nợ số TDCN21007098/2022/CQ4/KUNN ngày 12/01/2022 mà O và ông Nguyễn Phi H đã ký kết là chuyển khoản vào tài khoản của Công ty cổ phần đầu tư thương mại dịch vụ ô tô N, số tài khoản 19130525872345, tại Ngân hàng Techcombank. Theo đúng thỏa thuận, O đã giải ngân số tiền trên vào tài khoản của công ty cổ phần đầu tư thương mại dịch vụ ô tô N.

Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông Nguyễn Phi H mới thanh toán được cho OCB số tiền 83.619.706 đồng (trong đó nợ gốc: 49.690.000 đồng và nợ lãi: 33.929.706 đồng). Đến kỳ trả nợ ngày 05/7/2022, ông Nguyễn Phi H đã không thực hiện nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng theo thỏa thuận. Như vậy, ông Nguyễn Phi H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ được quy định trong Hợp đồng tín dụng số TDCN21007098/2022/CQ4/HĐTD ngày 11/01/2022 và Khế ước nhận nợ số TDCN21007098/2022/CQ4/KUNN ngày 12/01/2022 được ký kết giữa O với ông Nguyễn Phi H.

Ngày 02/8/2022, O đã gửi thông báo số 028/2022/TB-OCB về việc thu hồi nợ trước hạn đối với khoản vay của ông Nguyễn Phi H và yêu cầu ông Nguyễn Phi H phải thanh toán toàn bộ nghĩa vụ nợ cho O nhưng ông Nguyễn Phi H vẫn không thanh toán nợ cho O.

Tính đến nay (ngày 30/5/2023), số tiền ông H còn nợ O gồm có nợ gốc: 904.310.000 đồng và tiền lãi trong hạn, tiền lãi quá hạn, tiền phạt do chậm trả lãi, cụ thể như sau:

LÃI TRONG HẠN										
Ngày bắt đầu tính lãi (1)	Trả đến hết ngày (2)	Số ngày (3)	Dư nợ tính lãi (4)	Gốc phải trả (5)	Gốc đã trả (5A)	Gốc thiếu (6) = (5) - (5A)	LS trong hạn (7)	Lãi trong hạn phải trả (8) = (4)*(7)/365*(3)	Lãi trong hạn đã trả (9)	Lãi trong hạn còn thiếu (10)
12/01/2022	04/02/2022	24	954,000,000	9,938,000	9,938,000	-	9.20%	5,771,047	5,771,047	-
05/02/2022	04/03/2022	28	944,062,000	9,938,000	9,938,000	-	9.20%	6,662,750	6,662,750	-
05/03/2022	04/04/2022	31	934,124,000	9,938,000	9,938,000	-	9.20%	7,298,963	7,298,963	-
05/04/2022	04/05/2022	30	924,186,000	9,938,000	9,938,000	-	9.20%	6,988,365	6,988,365	-
05/05/2022	04/06/2022	31	914,248,000	9,938,000	9,938,000	-	9.20%	7,143,658	7,143,658	-
05/06/2022	04/07/2022	30	904,310,000	9,938,000	0	9,938,000	9.20%	6,838,070	64,922	6,773,148
05/07/2022	04/08/2022	31	894,372,000	9,938,000	0	9,938,000	9.20%	6,988,353	-	6,988,353
05/08/2022	04/09/2022	31	884,434,000	9,938,000	0	9,938,000	9.20%	6,910,701	-	6,910,701
05/09/2022	04/10/2022	30	874,496,000	9,938,000	0	9,938,000	9.20%	6,612,627	-	6,612,627
25/10/2022								10,073,895		10,073,895
05/10/2022	04/11/2022	31	864,558,000	9,938,000		9,938,000	12.10%	8,884,814		8,884,814
05/11/2022	04/12/2022	30	854,620,000	9,938,000		9,938,000	15.90%	10,278,854		10,278,854
05/12/2022	04/01/2023	31	844,682,000	9,938,000		9,938,000	15.90%	11,406,678		11,406,678
05/01/2023	04/02/2023	31	834,744,000	9,938,000		9,938,000	15.90%	11,272,474		11,272,474
05/02/2023	04/03/2023	28	824,806,000	9,938,000		9,938,000	15.90%	10,060,373		10,060,373
05/03/2023	04/04/2023	31	814,868,000	9,938,000		9,938,000	15.90%	11,004,067		11,004,067
05/04/2023	04/05/2023	30	804,930,000	9,938,000		9,938,000	15.90%	10,519,222		10,519,222
05/05/2023	30/05/2023	25	794,992,000				15.90%	8,657,790		8,657,790
				159,008,000	49,690,000	109,318,000	TỔNG	153,372,703	33,929,706	119,442,997

LÃI QUÁ HẠN										30/05/2023
Ngày bắt đầu quá hạn (1)	Trả đến ngày (2)	Số ngày (3)	Gốc thiếu (4)	Lãi suất (5)	Lãi suất phạt chậm trả gốc (6)=(5)*150%	Lãi quá hạn (7)=(4)*(5)*150%/365*(3)	Lãi thiếu (8)	Lãi suất tính phạt lãi chậm trả (9)	Số tiền phạt chậm trả lãi (10)=(8)*(9)/365*(3)	
05/07/2022	30/05/2023	329	9,938,000	9.2%	13.8%	1,236,178	6,773,148	10%	610,511	
05/08/2022	30/05/2023	298	9,938,000	9.2%	13.8%	1,119,699	6,988,353	10%	570,556	
05/09/2022	30/05/2023	267	9,938,000	9.2%	13.8%	1,003,221	6,910,701	10%	505,522	
05/10/2022	30/05/2023	237	9,938,000	9.2%	13.8%	890,499	6,612,627	10%	429,368	
25/10/2022	30/05/2023	217					10,073,895	10%	598,914	
05/11/2022	30/05/2023	206	9,938,000	12.10%	18.2%	1,018,005	8,884,814	10%	501,444	
05/12/2022	30/05/2023	176	9,938,000	15.90%	23.9%	1,142,897	10,278,854	10%	495,638	
05/01/2023	30/05/2023	145	9,938,000	15.90%	23.9%	941,591	11,406,678	10%	453,142	
05/02/2023	30/05/2023	114	9,938,000	15.90%	23.9%	740,286	11,272,474	10%	352,072	
05/03/2023	30/05/2023	86	9,938,000	15.90%	23.9%	558,461	10,060,373	10%	237,039	
05/04/2023	30/05/2023	55	9,938,000	15.90%	23.9%	357,155	11,004,067	10%	165,815	
05/05/2023	30/05/2023	25	9,938,000	15.90%	23.9%	162,343	10,519,222	10%	72,049	
			109,318,000			9,170,337	110,785,207		4,992,070	

Như vậy, tổng số tiền ông H còn nợ O là 1.037.915.405 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 904.310.000 đồng; Nợ lãi trong hạn bị quá hạn: 119.442.997 đồng; Nợ lãi quá hạn: 9.170.337 đồng; Tiền phạt do chậm trả lãi: 4.992.070 đồng.

Nay, O yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Nguyễn Phi H có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng tổng số tiền 1.037.915.405 đồng như đã nêu trên. Đồng thời ông Nguyễn Phi H còn phải tiếp tục trả tiền lãi, tiền phạt chậm trả lãi phát sinh từ ngày 31/5/2023 đến ngày ông Nguyễn Phi H hoàn thành nghĩa vụ trả nợ cho O theo hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết. Ngoài ra Ngân hàng không có yêu cầu gì thêm.

**** Theo bản tự khai trong quá trình tham gia tố tụng, bị đơn là ông Nguyễn Phi H trình bày***

Ngày 11/01/2022, ông và O có ký kết Hợp đồng tín dụng số TDCN21007098/2022/CQ4/HĐTD ngày 11/01/2022 vay số tiền 954.000.000 đồng, với thời hạn 36 tháng với mục đích là để mua ô tô. Ông đã được Tòa án cung cấp (giao cho ông H) hợp đồng tín dụng nêu trên. Ông thừa nhận nội dung trong hợp đồng tín dụng là đúng với nội dung mà ông đã thỏa thuận với O. Chữ ký và chữ viết họ tên trong hợp đồng đúng là chữ ký, chữ viết của ông. Để đảm bảo cho việc vay vốn từ O, ông có làm hợp đồng thế chấp xe ô tô hình thành trong tương lai số TDCN21007098/2022/CQ4/HĐTC ngày 11/01/2022, nội dung thỏa thuận trong hợp đồng (hợp đồng thế chấp) là đúng ý chí của ông, chữ ký, chữ viết trong hợp đồng này cũng đúng là chữ ký, chữ viết của ông. Ông thừa nhận Khế ước nhận nợ khách hàng cá nhân số TDCN21007098/2022/CQ4/KUNN ngày 12/01/2022, O cung cấp cho Tòa án là đúng chữ ký, chữ viết của ông. ông không có ý kiến gì.

Nay, O khởi kiện yêu cầu trả số nợ gốc và lãi, tiền phạt chậm trả như vậy thì ông không đồng ý vì ông không có khả năng thanh toán, không có tiền để trả. Thực tế ông chỉ đứng ra vay dùm và không có sử dụng số tiền này.

**** Quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Cửu:***

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Thư ký và các thành viên của Hội đồng xét xử là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Các đương sự cũng đã thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung tranh chấp: Từ các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ, đối chiếu các quy định của pháp luật thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và buộc ông H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

1.1. Về tư cách tố tụng và quan hệ tranh chấp: O khởi kiện ông H yêu cầu thanh toán tiền nợ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng O và ông H đã ký kết. Căn cứ

vào Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, xác định Ngân hàng TMCP Phương Đông (OCB) là nguyên đơn, ông H là bị đơn. Căn cứ khoản 16 Điều 4 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), quan hệ pháp luật của vụ án này được xác định là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

1.2. Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn là ông H có địa chỉ cư trú tại tổ 8, ấp 1, xã Vĩnh Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ vào Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

1.3. Về việc vắng mặt của đương sự tại phiên tòa: Bị đơn là ông H đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, trong đó có Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đến tham gia phiên tòa nhưng cả hai lần diễn ra phiên tòa và các phiên họp trước đó, ông H đều vắng mặt không thông báo lý do. Do vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông H.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1. Nguyên đơn và bị đơn đều khai thống nhất: Giữa O - Chi nhánh Q, Thành Phố Hồ Chí Minh và ông H có ký kết hợp đồng tín dụng số TDCN21007098/2022/CQ4/HĐTD ngày 11/01/2022 và Khế ước nhận nợ khách hàng cá nhân số TDCN21007098/2022/CQ4/KUNN ngày 12/01/2022 với số tiền vay: 954.000.000 đồng để toán tiền mua xe ô tô theo hợp đồng mua bán xe số 1021/HĐMB-VFPMH21 giữa Công ty cổ phần đầu tư thương mại dịch vụ ô tô N và ông H ngày 28/12/2021, Ông H thừa nhận chữ ký, chữ viết họ tên của ông H trong các hợp đồng và khế ước nhận nợ này đúng là chữ viết của ông H. Căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự, đây là những tình tiết, sự kiện mà nguyên đơn không phải chứng minh.

2.2. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy: Ông H thừa nhận việc vay tiền và chưa thanh toán cho O theo Hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ như đại diện nguyên đơn trình bày. Như vậy, ông H đã vi phạm Điều 466 của Bộ luật dân sự năm 2015 và Luật các tổ chức tín dụng, vi phạm thỏa thuận mà hai bên đã ký kết. O tính tiền gốc và lãi mà ông H phải trả là phù hợp với điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng nên yêu cầu khởi kiện của O về việc buộc ông H thanh toán tổng số tiền 1.037.915.405 đồng. Trong đó: Nợ gốc: 904.310.000 đồng; Nợ lãi trong hạn bị quá hạn: 119.442.997 đồng; Nợ lãi quá hạn: 9.170.337 đồng; Lãi phạt chậm trả lãi: 4.992.070 đồng và ông H còn phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền lãi

trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số TDCN21007098/2022/CQ4/HĐTD ngày 11/01/2022 và Khế ước nhận nợ số TDCN21007098/2022/CQ4/KUNN ngày 12/01/2022 cho đến khi thanh toán hết khoản nợ là phù hợp với quy định của pháp luật và đúng với nhận định tại Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016 nên có cơ sở chấp nhận.

Ông H cho rằng ông không nhận số tiền đã vay nhưng chính ông thừa nhận ông là người ký kết Hợp đồng tín dụng số TDCN21007098/2022/CQ4/HĐTD ngày 11/01/2022 với mục đích vay tiền là để thanh toán tiền mua xe ô tô Vinfast Lux A, cao cấp mới 100%, theo hợp đồng mua bán xe số 1021/HĐMB-VFPMH21 giữa Công ty cổ phần đầu tư thương mại dịch vụ ô tô N và ông H ngày 28/12/2021. Ông H thừa nhận chữ ký trong tất cả các văn bản, hợp đồng này đều đúng là chữ ký của ông. Ngoài ra theo nội dung Khế ước nhận nợ số TDCN21007098/2022/CQ4/KUNN ngày 12/01/2022 thể hiện số tiền vay sẽ được chuyển khoản vào tài khoản của Công ty cổ phần đầu tư thương mại dịch vụ ô tô Nam Sài Gòn số tài khoản 19130525872345 tại Ngân hàng Techcombank, với số tiền là 954.000.000 đồng (chín trăm năm mươi tư triệu đồng). Sau khi Ngân hàng chuyển khoản cho Công ty cổ phần đầu tư thương mại dịch vụ ô tô Nam Sài Gòn thì ông H đã hoàn thành thủ tục mua bán xe và đã đăng ký xe ô tô được Phòng cảnh sát giao thông Công an tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 60K-0343.00 mang tên ông Nguyễn Phi H. Ông H cũng thừa nhận để đảm bảo cho khoản vay tiền trên, ông H có ký hợp đồng thế chấp xe ô tô hình thành trong tương lai số TDCN21007098/2022/CQ4/HĐTC ngày 11/01/2022 và giao bản gốc giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển số 60K-043.00 cho Ngân hàng O giữ. Vì vậy, ý kiến trình bày của ông Nguyễn Phi H về việc mình không được nhận số tiền đã vay là không có cơ sở chấp nhận.

Ông H còn cho rằng chỉ đứng ra vay giùm cho người khác, Tòa án đã thông báo cho ông H cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh ý kiến của mình nhưng ông H không cung cấp cho Tòa án tên tuổi, địa chỉ của người nhờ ông vay giùm, không đưa ra tài liệu, chứng cứ nào chứng minh trình bày của mình là đúng. Đồng thời, ông H là người vay tiền của O thì phải có nghĩa vụ thanh toán cho O. Ông H không thể viện dẫn ra lý do không có khả năng hoặc vay giùm người khác để từ chối nghĩa vụ trả nợ cho O được.

Theo hồ sơ tín dụng thể hiện, ông H có thể chấp chiếc xe ô tô biển số 60K – 0343.00 mang tên ông Nguyễn Phi H cho O để đảm bảo cho khoản nợ vay nhưng O không yêu cầu giải quyết đối với việc thế chấp xe nên Tòa án không giải quyết trong vụ án này.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Yêu cầu của O được chấp nhận toàn bộ nên ông H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 43.137.462 đồng (bốn mươi ba triệu một trăm ba mươi bảy ngàn bốn trăm sáu mươi hai đồng). Hoàn trả tiền tạm ứng án phí cho OCB.

[4] Ý kiến và quan điểm của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Điều 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Các Điều 4; Điều 91, Điều 95, Điều 98 Luật Các tổ chức tín dụng 2010 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17 tháng 10 năm 2016;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP P (O) về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

Buộc ông Nguyễn Phi H phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc đã vay và các khoản lãi cho Ngân hàng TMCP P (O) tính đến ngày 30/5/2023 tổng cộng là 1.037.915.405 đồng (một tỷ không trăm ba mươi bảy triệu chín trăm mười lăm ngàn bốn trăm lẻ năm đồng). Trong đó: nợ gốc là 904.310.000 đồng; nợ lãi trong

hạn bị quá hạn là: 119.442.997 đồng; nợ lãi quá hạn là 9.170.337 đồng và tiền phạt chậm trả lãi là 4.992.070 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 31/5/2023), ông H còn phải có nghĩa vụ tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng TMCP P (O) khoản tiền lãi trên số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số TDCN21007098/2022/CQ4/HĐTD ngày 11/01/2022 và Khế ước nhận nợ số TDCN21007098/2022/CQ4/KUNN ngày 12/01/2022 cho đến khi thanh toán xong các khoản nợ.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Nguyễn Phi H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm là: 43.137.462 đồng (bốn mươi ba triệu một trăm ba mươi bảy ngàn bốn trăm sáu mươi hai đồng).

Hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP P số tiền 20.022.000 đồng (hai mươi triệu không trăm hai mươi hai ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004821 ngày 21/12/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.

3. Về quyền kháng cáo của đương sự: Ngân hàng TMCP P có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Ông H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Cửu;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Bá Diễn

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- Chi cục THADS huyện Vĩnh Cửu;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Bá Diễn